TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 103/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 25 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 năm 2025,

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Phi S, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 124 đường Tăng Bạt Hổ, phường Phú X, thành phố Huế.

2. Chị Trần Thị Tú Tr, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 37 đường Thanh Lam Bồ, phường Phú X, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phi S và chị Trần Thị Tú Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tây L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường Phú X, thành phố Huế) vào ngày 23/02/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Phi S và chị Trần Thị Tú Tr trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh S, chị Tr.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Phi S và chị Trần Thị Tú Tr có 04 con chung là Nguyễn Kiều Tố Nh, sinh ngày 14/5/2009, Nguyễn Kiều Tố Nh, sinh ngày 14/5/2009, Nguyễn Kiều Diễm M, sinh ngày 29/8/2011 và Nguyễn Kiều Giáng M1, sinh ngày 30/10/2015.

Anh Nguyễn Phi S và chị Trần Thị Tú Tr thoả thuận: Giao các cháu Nguyễn Kiều Tố Nh, Nguyễn Kiều Tố Nh, Nguyễn Kiều Diễm M và Nguyễn Kiều Giáng

M1 cho anh Nguyễn Phi S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị Tú Tr không cấp dưỡng cho con.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Phi S và chị Trần Thị Tú Tr không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Phi S và chị Trần Thị Tú Tr trình bày không có.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Phi S và chị Trần Thị Tú Tr phải chịu 300.000 đồng, mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phi S và chị Trần Thị Tú Tr.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Kiều Tố Nh, sinh ngày 14/5/2009, Nguyễn Kiều Tố Nh, sinh ngày 14/5/2009, Nguyễn Kiều Diễm M, sinh ngày 29/8/2011 và Nguyễn Kiều Giáng M1, sinh ngày 30/10/2015 cho anh Nguyễn Phi S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Chị Trần Thị Tú Tr không cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Phi S và chị Trần Thị Tú Tr, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000284 ngày 12/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều

7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2- Huế;
- TAND Tp Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND phường Phú X;
(ĐKKH ngày 23/02/2011)
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hiền